

# PHÂN TÍCH VÀ CẢM NHẬN VỀ TÁC PHẨM VỢ NHẬT CỦA NHÀ VĂN KIM LÂN

## 1. Dàn ý phân tích văn bản Vợ nhặt

### a. Mở bài:

- Kim Lân là cây bút viết truyện ngắn chuyên nghiệp, ông tập trung viết về cảnh nông thôn, hình tượng người nông dân lao động.

- Vợ nhặt rút từ tập Con chó xấu xí, là truyện ngắn đặc sắc viết về người nông dân, miêu tả tình trạng thê thảm của họ trong nạn đói năm 1945, nhưng cũng ngợi ca bản chất tốt đẹp và sức sống kì diệu của họ.

### b. Thân bài:

- Ý nghĩa nhan đề: “Vợ nhặt”: nhặt được vợ, thể hiện sự rẻ rúng của thân phận con người và phản ánh tình cảnh thê thảm của con người trong nạn đói.

- Tình huống truyện:

+ Tình huống: Tràng - một người dân ngụ cư xấu xí bỗng dưng lại có vợ mà lại là nhặt được, theo về không.

+ Đây là một tình huống độc đáo, bất ngờ: với chính Tràng (hoàn cảnh của Tràng khó mà lấy được vợ nhưng nghiễm nhiên có vợ theo không về, tự ngờ mình đã có vợ ư), với những người xung quanh (thắc mắc bàn tán), với bà cụ Tứ.

- Nhân vật Tràng:

+ Hoàn cảnh gia đình: dân ngụ cư bị khinh bỉ, cha mất sớm, mẹ già, nhà ở tồi tàn, cuộc sống bấp bênh, ..., bản thân: xấu xí, thô kệch, “hai con mắt nhỏ tí”, “hai bên quai hàm bạnh ra”, thân hình to lớn vập vạp, trí tuệ ngờ nghệch, vụng về, ...

+ Gặp gỡ và quyết định nhặt vợ.

+ Đưa người đàn bà lên chợ tỉnh mua đồ: diễn tả sự nghiêm túc, chu đáo của Tràng trước quyết định lấy vợ.

+ Xăm xăm bước vào dọn dẹp sơ qua, thanh minh về sự bừa bộn vì thiếu bàn tay của đàn bà. Hành động ngược ngạo nhưng chân thật, mộc mạc.

+ Khi bà cụ Tứ chưa về, Tràng có cảm giác “sờ sờ” vì lo rằng người vợ sẽ bỏ đi vì gia cảnh quá khó khăn, sợ hạnh phúc sẽ tuột khỏi tay.

+ Sốt ruột chờ mong bà cụ Tứ về để thưa chuyện vì trong cảnh đói khổ vẫn phải nghĩ đến quyết định của mẹ. Đây là biểu hiện của đứa con biết lễ nghĩa.

+ Khi bà cụ Tứ về: thưa chuyện một cách trịnh trọng, biện minh lí do lấy vợ là “phải duyên”, căng thẳng mong mẹ vun đắp. Khi bà cụ Tứ tỏ ý mừng lòng Tràng thở phào, ngược nhẹ hẳn đi.

- Nhân vật người vợ nhặt:

+ Không có quê hương gia đình: có thể thấy nạn đói năm 1945 đã khiến biết bao con người bị dứt khỏi quê hương, gia đình.

+ Tên tuổi cũng không có và qua tên gọi “vợ nhặt”: thấy được sự rẻ rúng của con người trong cảnh đói.

+ Ngoại hình: quần áo tả tơi như tổ đĩa, gầy sọp, khuôn mặt lưới cày xám xịt chỉ còn hai con mắt.

+ Lần thứ nhất: khi nghe câu hò vui của Tràng, thị đã vui vẻ giúp đỡ, đây chính là sự hồn nhiên vô tư của người lao động nghèo.

+ Lần thứ hai: Thị sượng sĩa máng Tràng, từ chối ăn trà để được ăn một thứ có giá trị hơn, khi được mời ăn tức thì ngồi sà xuống, mắt sáng lên, “ăn một chặp bốn bát bánh đúc”.

+ Phẩm chất:

- Quyết định theo Tràng về làm vợ dù không biết về Tràng, chấp nhận theo không về không cần sinh lễ vì thị sẽ không phải sống cảnh lang thang đầu đường xó chợ.
- Khi đến nhà thấy hoàn cảnh nghèo khổ, trái ngược lời tuyên bố “rích bố cu”, thị “nén một tiếng thở dài”, dù ngao ngán nhưng vẫn chịu đựng để có cơ hội sống.

Thị là người ý tứ và nét na.

- Nhân vật bà cụ Tứ:

+ Giới thiệu nhân vật: dáng đi lom khom, chậm chạp, run rẩy, vừa đi vừa ho húng háng, lảm nhảm tính toán theo thói quen người già.

+ Bà ngạc nhiên trước sự đơn đả của đứa con trai ngờ nghệch, ngạc nhiên trước sự xuất hiện của người đàn bà lạ.

+ Bà hiểu ra “biết bao nhiêu cơ sự”, “mắt bà nhòa đi”: thương cho con trai phải lấy vợ nhặt, mà trong cảnh đói khát mới lấy được vợ, thương cho người đàn bà khốn khổ cùng đường mới phải lấy con trai bà.

### c. Kết bài:

- Khái quát giá trị nghệ thuật xây dựng nhân vật: đặt nhân vật vào tình huống éo le, độc đáo để nhân vật bộc lộ tâm trạng, tích cách; miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ bình dị, gần gũi.

- Tác phẩm chứa đựng giá trị nhân đạo sâu sắc, phản ánh chân thực tình cảnh người nông dân trong nạn đói, mặt khác cũng phản ánh bản chất tốt đẹp và sức sống mãnh liệt của họ.

## 2. Cảm nhận về tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân

Nhà văn Kim Lân tên thật là Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1920, quê ở làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông chỉ được học hết bậc Tiểu học rồi phải đi làm. Yêu thích văn chương, ông bắt đầu sáng tác từ năm 1941. Một số truyện ngắn của ông lấy đề tài ở cuộc sống lam lũ của người nông dân hoặc các sinh hoạt văn hóa truyền thống ở thôn quê.

Sau Cách mạng tháng Tám, ông chuyên viết truyện ngắn về làng quê, mảng hiện thực mà ông hiểu biết sâu sắc. Theo Nguyên Hồng thì Kim Lân là nhà văn một lòng đi về với đất, với người, với những gì thuần hậu nguyên thủy của cuộc sống nông thôn. Tác phẩm chính: Nên vợ nên chồng (tập truyện ngắn, 1955), Con chó xấu xí (tập truyện ngắn, 1962). Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân, được viết ngay sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 bùng nổ nhưng đến sau hòa bình lập lại 1954 mới cho ra mắt bạn đọc trong tập Con chó xấu xí.

Tác phẩm lấy bối cảnh là nạn đói năm Ất Dậu 1945, năm diễn ra nạn đói khủng khiếp, khiến hơn hai triệu đồng bào ta chết đói. Cái đói tràn lan, khủng khiếp diễn ra ở khắp nơi khiến con người không thể nào chống cự được, tất cả những yếu tố đó đã được Kim Lân tái hiện thành công trong tác phẩm của ông.

Trước hết là màu sắc, ông đi khai thác màu xanh xám của da người, màu đen kịt của đàn quạ bay trên trời. Những màu sắc gợi lên sự chết chóc, ảm đạm, tàn lụi và héo úa. Bao quanh không gian đó là mùi ảm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người, mùi đốt đống rơm khét lẹt. Kết hợp với tiếng quạ kêu từng hồi, hòa lẫn với tiếng khóc hờ từ những gia đình có người chết. Để làm rõ nét hơn, Kim Lân còn cho người đọc thấy hình ảnh sáng nào cũng có ba bốn thân người nằm chết cong queo bên đường. Tình cảnh vô cùng thảm thương, bất hạnh. Kim Lân nhìn nhận hiện thực bằng cái nhìn chân thực, sắc nét, không né tránh, phơi bày tất cả trên trang văn của mình, để người đọc thấy rõ cái khủng khiếp của nạn đói năm 1945. Nhưng giá trị thật sự của tác phẩm là ở chỗ: từ trong bóng tối của cái đói, cái chết, tác giả tìm thấy ánh sáng của vẻ đẹp tâm hồn con người.

Sau khi vẽ nên khung hình chung của nạn đói, nhân vật đầu tiên trong thiên truyện xuất hiện, đồng thời cũng là nhân vật trung tâm của tác phẩm - anh Tràng. Tràng vốn là dân ngụ cư, sống tha phương cầu thực, những người dân ngụ cư thường bị phân biệt, kì thị, sống ở rìa làng, chứ không được sống trong trung tâm của làng như những người khác. Không chỉ vậy, họ còn không được chia ruộng đất, không được tham gia bất cứ hoạt động sinh hoạt cộng đồng nào của làng xã. Anh cu Tràng bị đặt ra ngoài lề xã hội. Không dừng lại ở đó, gia đình Tràng còn rất nghèo, cha mất, chỉ con hai mẹ con nương tựa vào nhau, vì không được chia ruộng nên Tràng phải làm công việc bấp bênh để kiếm sống: kéo xe bò thuê.

Tình huống Tràng “nhặt” được vợ. Là “nhặt” được chứ không phải lấy được. Người đọc nhận ra sự thê thảm, bước đường cùng và đầy éo léo của con người trong xã hội bấy giờ. Hình ảnh vợ anh cu Tràng dần dần hiện ra dưới ngòi bút miêu tả của nhà văn đầy ám ảnh “thị cắp cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn”. Một người đàn bà nghèo khổ, không còn thứ gì giá trị đi cạnh một người đàn ông nghèo khổ, cùng cực đúng là một đôi trời sinh.

Giữa cái đưa vợ “nhặt” được về nhà, Kim Lân đã xây dựng nên khung cảnh điều hiu, ảm đạm của xóm nghèo “từng trận gió từ cánh đồng thổi vào, ngăn ngắt. Hai bên dãy phố, úp sụp, tối om, không nhà nào có ánh đèn, lửa. Dưới gốc đa, gốc gạo xù xì bóng những người đói dật dờ đi lại lặng lẽ như những bóng ma. Tiếng quạ kêu trên mấy cây gạo ngoài bãi chợ cứ gào lên từng hồi thê thiết”. Không còn gì thê thảm và hiu hắt hơn khung cảnh chiều tàn nơi xóm nghèo như vậy. Mọi thứ dường như bị cái đói, cái nghèo đè nén đến chìm ngấm. Bằng ngòi bút tả thực sinh động, Kim Lân đã gieo vào lòng người đọc nhiều chua xót, đắng cay cho những phận nghèo long đong.

Điều đáng chú ý chính là cách những người hàng xóm hỏi thăm Tràng về người đàn bà đi bên cạnh Tràng. Thực ra thấy lạ nên người ta mới hỏi, thì cũng hiểu ra, có lẽ là vợ Tràng, “nhìn chị ta thèn thẹn hay đáo để”. Người đàn bà bắt đầu không còn chua ngoa, đánh đá nữa mà trở nên thẹn thùng khi quyết định theo Tràng về làm vợ. Làm vợ một cách bất ngờ, giữa cảnh đói như ngả rạ. Có lẽ cái nghèo đói đã đẩy hai con người đến với nhau, không phải tình yêu nhưng là tình thương. Hẳn người đọc sẽ cảm thông và xót thương cho những mảnh đời dật dờ nơi xóm ngụ cư.

Khi trở về nhà, hình ảnh bà cụ Tứ, mẹ Tràng được Kim Lân khắc họa diễn biến và sự chuyển đổi trong tâm tình thật tài tình và sâu sắc. Người đọc sẽ hiểu hơn tấm lòng một người mẹ bao dung và hiền hậu. Chi tiết “bà lão pháp phồng bước theo con vào nhà, đến giữa sân bà đứng lại vì thấy có một người đàn bà ở trong...” Sự băn khoăn lo lắng của bà cụ bắt đầu hiện lên. Nhưng rồi bà cũng nhận ra, cũng hiểu “bà lão cúi đầu nín lặng, bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán, vừa xót xa cho số kiếp con mình. Chao ôi người ta dựng vợ gả chồng cho con là trong lúc làm ăn nên nổi, còn mình...” Những suy nghĩ chua xót của bà lão được Kim Lân diễn tả qua một loạt động từ tình thái khiến cho cái khổ, cái đói lại vô vấp và hiện hiện rõ ràng hơn bao giờ hết.

Xây dựng một kết thúc mở cùng với lối kể truyện độc đáo, lời văn giản dị, chân thành, mộc mạc nhưng rất có sức gợi hình, Kim Lân đã rất tài tình trong việc phản ánh chân thực nạn đói của xã hội Việt Nam những năm 1945. Số phận của người lao động bị rẻ rúng, thấp hèn, bị cái nghèo đói bủa vây cùng vô số những chính sách hà khắc của chế độ thực dân. Qua đó ông cũng thể hiện giá trị nhân đạo đó là ngợi ca khát vọng sống, trân trọng và gieo vào lòng người đọc một niềm tin thay đổi hoàn cảnh. Đồng thời tố cáo xã hội đen tối, tố cáo những chính sách khiến người dân càng lâm vào cảnh lầm than.

### 3. Bình giảng về Vợ nhặt của nhà văn Kim Lân

Kim Lân một trong những nhà văn viết truyện ngắn từ năm 1941. Sáng tác của ông tập trung phản ánh bức tranh của nông thôn Việt Nam và hình tượng người nông dân. Dưới ngòi bút tài hoa của Kim Lân, bức tranh hiện thực của nông thôn Việt Nam cũng như nỗi niềm, cuộc sống, cảnh ngộ và khát vọng của người nông dân được thể hiện chân thực và sinh động. “Vợ Nhặt” là một trong những tác phẩm thành công của Kim Lân với cốt truyện độc đáo cùng lối dẫn chuyện hóm hỉnh hấp dẫn người đọc.

Lấy cảm hứng từ nạn đói năm 1945, nhà văn Kim Lân đã tái hiện lại hiện thực bức tranh ngày đói ám ảnh trong từng câu chữ, từng trang văn của ông. Bằng ngòi bút tả thực kết hợp Kim Lân đã tái hiện cảnh vật xác xơ heo hút của ngã tư xóm chợ về chiều, rồi “hai bên dãy phố, úp sụp, tối om”, “cái nhà vắng teo đứng rúm rỏ một mảnh vườn mọc lổn nhổn”... Từng ấy thôi ngòi bút của ông đã tô đậm lên bức tranh u tối, với cảnh sống đói nghèo của nông thôn Bắc Bộ những năm 1945. Tất cả hiện lên đều còm cõi, xác xơ, rách rưới. Ở đó không chỉ có cảnh vật mà con người cũng hiện lên lụi tàn cùng cái đói, cái nghèo. Cái chết cũng được ghi lại trong âm thanh thê thiết, tạo nên sự ghê sợ, rợn người. ở đó như đang dòm đuổi sự sống của con người đến đường cùng. Âm thanh của tiếng quạ trên mấy cây gạo, của tiếng hờn khóc tỉ tê và cả tiếng trống thúc thuế mỗi lúc một dồn dập hơn. Chỉ vậy thôi mà nhà văn như tô lại hiện thực tố cáo sự tàn ác của bọn phát xít, đế quốc thực dân với những chính sách vô cùng hà khắc, rẻ rúng mạng sống của con người.

Mở đầu tác phẩm, nhà văn đã phác họa nhân vật anh cu Tràng cũng là nhân vật chính của phẩm được xuất hiện giữa một không gian đầy u ám, tử khí vì “người chết như ngã rạ”, “không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người chết”. Tràng là một người nông dân có cuộc sống nghèo khổ nhưng lại có tính thương người, luôn khao khát một mái ấm gia đình và luôn có hy vọng vào một tương lai tươi sáng.

Anh cu Tràng là một người nông dân có cuộc sống nghèo khổ được thể hiện ngay ở cái tên gọi mà tác giả đặt cho. Tràng không tội nghiệp đến mức không có một cái tên thế nhưng cái tên Tràng lại gọi lên bao điều lam lũ, khó nhọc bởi đó cũng là tên của một dụng cụ lao động. Tràng không đến mức quá tiêu tụy thế nhưng lại được hóa công gọt dũa rất sơ sài: “Hai con mắt gà gà đăm vào bóng chiều”, “hai bên quai hàm bạnh ra”, “bộ mặt thô kệch”, “cái đầu trọc nhẵn”, “cái lưng to rộng”. Qua cách miêu tả của Kim Lân, ta thấy Tràng kết tinh được cái phần tự nhiên, hoang dại của con người. Tràng hay “ngửa mặt lên trời cười hềnh hếch”, “vừa đi vừa nói nhảm”, trở thành “đối tượng bông đùa của những đứa trẻ xóm ngụ cư”, tính tình thì “ngốc nghếch”. Hoàn cảnh sống của Tràng cũng chẳng dư dả gì. Nơi ở là “cái nhà vắng teo đứng rúm rỏ trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại”, “những niêu bát, xống áo vứt bừa bộn cả trên giường, dưới đất”. Những chi tiết ấy đã cho thấy cuộc sống thiếu thốn, nghèo khổ của hai mẹ con Tràng.

Sự xuất hiện của người vợ nhặt trong cuộc đời anh cu Tràng đã khiến tính nết của anh thay đổi. Từ một con người ngốc nghếch, anh trở thành một người có trách nhiệm, biết chăm lo cho gia đình. Tràng rất ga lăng trong việc sửa soạn cho người vợ nhặt trước khi đưa nàng về làm dâu. Anh đưa thị vào chợ tỉnh rồi “bỏ tiền ra mua cho thị cái thúng con đựng vài thứ

lặt vặt và ra hàng cơm đánh một bữa thật no nê rồi cùng đẩy xe bò về”. Không những thế, anh còn mua hai hào dầu thắp. Tràng đã chuẩn bị cả về vật chất và tinh thần cho cuộc sống mới khá đầy đủ. Khi những ánh mắt của người dân xóm ngụ cư đổ dồn về phía anh và người vợ nhất thì anh “lấy vậy làm thích ý lắm”. Anh đã không kìm nén được niềm hạnh phúc khi có vợ nên đã bộc lộ nó qua “cái mặt cứ vênh lên tự đắc”.

Mấy ai có đủ dũng cảm để đón nhận hạnh phúc của mình ngay giữa nạn đói giống anh cu Tràng? Anh đã giới thiệu với bà cụ Tứ một cách đầy đủ về cái duyên, cái số của mình với người vợ nhất: “Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ! Chúng tôi phải kiếp với nhau...Chẳng qua nó cũng là cái số cả”. Sự kiện thị theo không Tràng về khiến anh “ngỡ ngàng như không phải”. Nhưng chính sự kiện hệ trọng ấy lại khiến lòng anh tràn ngập một nguồn vui sướng, phấn chấn. Anh cu Tràng thấy mình “nên người” và “có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này”. Hạnh phúc đến với anh hết sức éo le, bất ngờ nhưng cũng vô cùng thiêng liêng. Tràng đã vượt lên trên hiện thực đói khát để đón lấy thứ hạnh phúc bình dị, trần thế. Anh đã trở nên chín chắn, trưởng thành hơn từ trong suy nghĩ đến hành động để có thể chăm sóc tốt cho gia đình của mình.

Ở con người thị có chút gì “chao chát chông lòn” khi tìm cách ăn vạ anh cu Tràng. Thị quên cả ý tứ cần có của người phụ nữ để “sà xuống”, “cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì” rồi “cắm dọc đôi đũa quệt ngang miệng”. Tuy “sưng sĩa” là vậy nhưng ẩn sâu trong người vợ nhất là vẻ đẹp mang tính truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. Thị chỉ theo anh cu Tràng về nhà khi biết anh chưa có vợ. Trên đường đi về, thị rón rén, e thẹn, thị ngượng ngịu, “chân nọ bước dúi cả vào chân kia”. Khi về đến nhà Tràng, thị cũng chỉ “ngồi móm xuống mép giường” và lễ phép cất tiếng chào bà cụ Tứ. Thị có những sự ngỡ ngàng của nàng dâu mới khi về nhà chồng. Đứng trước “cái nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại”, thị có sự thất vọng nhưng cũng chỉ “nén một tiếng thở dài”.

Đi bên cạnh người vợ “rách như tổ đĩa”, Tràng không thấy xấu hổ mà còn rất “phờn phở”. Vẻ mặt ấy chính là sự xúc động của nhân vật trước tình huống éo le nhất được vợ. Không gian trên đường rước dâu ảm đạm thê lương nhưng niềm vui của Tràng đã lấn át đi tất cả. Anh muốn làm cho vợ mình được vui, “có lúc muốn thân mật nhưng không dám xuống xã, muốn bày tỏ tình cảm với vợ nhưng lại lúng ta lúng túng, tay nọ xoa vào tay kia”. Tràng nâng niu, trân trọng hạnh phúc mình có được: “Trong một lúc, Tràng dường như quên hết cảnh sống ê chề, tăm tối hàng ngày, quên cả cái đói khát ghê gớm đang đe dọa”. “Tràng cảm nhận thấy cái mới mẻ, mơn man khắp da thịt Tràng”. Đó chính là hiện diện của tình yêu, niềm hạnh phúc mà Tràng đang khao khát.

#### **4. Viết bài văn phân tích tác phẩm Vợ nhất**

Văn học chính là lăng kính chủ quan, phản ánh hiện thực một cách khách quan, chính xác nhất. Bởi vậy mà nhà văn Kim Lân đã dùng ngòi bút của mình để phác họa thành công bức tranh cuộc sống, sinh hoạt của người nông dân trong nạn đói năm Ất Dậu qua tác phẩm “Vợ nhất”. Nhà văn đã đem vào thiên truyện của mình một điểm sáng mới, đó là niềm tin, niềm hi vọng vào một tương lai tốt đẹp dù hiện tại có khó khăn đến nhường nào.

Kim Lân là nhà văn có sở trường về truyện ngắn, ngòi bút của ông thật sắc sảo khi tập trung miêu tả những phong tục tập quán và đời sống làng quê với những “thú vui đồng quê hay phong lưu đồng ruộng”. “Vợ nhất” là tác phẩm xuất sắc được in trong tập “Con chó xấu xí” của nhà văn, viết về người nông dân trong tình cảnh thê thảm của nạn đói với bản chất tốt đẹp, lương thiện. Bằng khả năng sáng tạo của mình, nhà văn đã thành công ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật và hàng loạt các biện pháp nghệ thuật đặc sắc khác khi xây dựng nhân vật của mình.

Có thể nói rằng Kim Lân đã thực sự xuất sắc khi dựng lên tình huống “nhặt vợ” của anh cu Tràng. Tình huống ấy là cánh cửa khép mở để nhân vật bộc lộ nét đẹp trong tâm hồn mình. Dường như trong đời sống người ta dễ đối xử tàn nhẫn với nhau khi miếng ăn của một người chưa đủ thì làm sao có thể đèo bồng thêm người này người kia. Trong tình huống ấy, người dễ cấu xé nhau, dễ ích kỷ hơn là vị tha và người ra rất dễ đối xử tàn nhẫn, làm cho nhau đau khổ. Nhưng nhà văn Kim Lân lại khám phá ra một điều ngược lại ở các nhân vật anh cu Tràng, người vợ nhặt và bà cụ Tứ.

Chúng ta từng kinh hãi trước “xác người chết đói ngập đầy đường”, “người lớn xanh xám như những bóng ma”, trước “không khí vẫn lên mùi hôi của rác rưởi và mùi gây của xác người”, từng ớn lạnh trước “tiếng quạ kêu gào thảm thiết” ấy nhưng lạ thay chúng ta thật không thể cảm lòng xúc động trước nghĩa cử cao đẹp mà bình thường, dung dị ấy của Tràng, bà cụ Tứ và của người vợ Tràng nữa. Một thanh niên của cái xóm ngụ cư ấy như Tràng, một con người - thân xác vạm vỡ, lực lưỡng ấy dường như ngờ nghệch thô kệch và xấu xí ấy lại chứa đựng biết bao nghĩa tình cao đẹp.

Sự đói nghèo bần hàn, vây quanh lấy hắn, nhưng trong đầu hắn luôn hiện lên những suy nghĩ lạ lùng thỉnh thoảng lại thấy hắn ngửa mặt cười cười một cái gì đó. Tràng thật sự là một con người kỳ quái. Giữa khung cảnh nghèo đói, cùng cực ấy. Một con người xấu xí, thô kệch nghèo khổ như Tràng những tưởng vĩnh viễn phải sống kiếp cô độc vì chả có gì thu hút người khác thì làm sao mà lấy được vợ. Nhưng không ngờ Tràng vẫn lấy được vợ, mà con lấy được một cách dễ dàng “nhặt” được vợ như nhặt một cục đá mà thôi.

Chỉ bằng những câu nói bông đùa vu vợ, mà Tràng nhặt được vợ “Muốn ăn cơm trắng với giò, thì ra đây đây xe bò với anh nào” Chỉ có như thế thôi nhưng một cô gái ngoan ngoãn ra đây xe với hắn. Rồi theo hắn về nhà làm vợ. Tác giả Kim Lân đã xây dựng tình huống truyện vô cùng thú vị, độc đáo làm thay đổi số phận của nhân vật Tràng. Làm cho câu chuyện sang một hướng rẽ mới thú vị và thu hút người đọc. Hành động nhặt được vợ của Tràng khiến người ta phải suy nghĩ, bởi việc lấy vợ lấy chồng là việc vô cùng quan trọng trong đời người, bình thường người ta phải làm thật cẩn thận suy tính trước sau. Cô gái làm vợ Tràng cũng thật thiệt thòi biết bao, làm vợ người ta mà không có một lễ cưới, không được làm đám ba mâm ra mắt họ hàng, không có giấy đăng ký kết hôn, không có chứng nhận của hai bên họ hàng.

Trước khi đưa cô vợ về nhà, Tràng rất chu đáo, mua cho vợ một chiếc thúng con mới, dẫn thị đi ăn một bữa thật no, mua những hai hào dầu để về thắp sáng trong nhà. Anh cu Tràng từ một kẻ thô kệch, lúc nào cũng nói chuyện một mình và cười hề hề, hôm nay bỗng trở nên tâm lý và tinh tế lạ thường. Trên đường đi về Tràng vui sướng, hớn hờ, miệng lúc nào cũng tùm tùm cười. Khuôn mặt vừa hạnh phúc, rạng rỡ vừa vênh vênh tự đắc với chính mình. Cảnh sống cực khổ ê chề hàng ngày, Tràng đã quên hẳn, mà chỉ sống trong niềm vui, niềm hạnh phúc khi lấy được vợ.

Bước chân đến nhà Tràng bỗng ngỡ ngàng ngịu, xấu hổ, đứng tây ngậy giữa nhà, chợt thấy sờ sờ nhưng lại vừa hạnh phúc sung sướng khi việc mình lấy vợ đã trở thành hiện thực. Điều Tràng mong ngóng nhất là đợi mẹ mình về nhà, để ra mắt nàng dâu mới. Lời giới thiệu thị với mẹ cũng rất trân trọng, để nàng dâu bớt đi phần ngỡ ngàng, xấu hổ. Tràng đã thay đổi là một con người khác hẳn, tâm lý, nhạy bén và rất khéo léo trong cách ăn nói. Dường như hạnh phúc mới này đã đem đến sự thay đổi lớn trong tâm lý, suy nghĩ của anh cu Tràng.

Bà đã chấp nhận người “vợ nhặt” của con trai. Tình huống khiến người đọc nhớ mãi, hình ảnh khiến người đọc khi nhắc đến tác phẩm này đều không quên là hình ảnh “nồi cháo cám” trong buổi bữa cơm đón dâu đầu tiên. Hình ảnh “nồi cháo cám” là hiện thân của cái đói nghèo

đến cùng cực trong một gia đình “không còn gì giá trị nữa”. Bà cụ Tứ hôm nay thay đổi tâm trạng, toàn nói những chuyện vui trong nhà, vì bà muốn mang lại không khí vui tươi hơn giữa cái nghèo. Hình ảnh “nồi cháo cám” hiện lên bình dị, đầy chua xót và nước mắt của người mẹ nghèo. Ai cũng muốn có một bữa cơm đón dâu có mâm cao, cỗ đầy trong ngày rước dâu nhưng gia cảnh nghèo nàn, “nồi cháo cám” là thứ duy nhất đong đầy yêu thương bà có thể mang lại cho con.

Đến nhân vật này, Kim Lân tỏ rõ bút pháp miêu tả tâm lí nhân vật. Bà cụ Tứ đến giữa câu chuyện mới xuất hiện nhưng nếu thiếu đi nhân vật này, tác phẩm sẽ không có chiều sâu nhân bản. Đặt nhân vật bà cụ Tứ vào trong tác phẩm, Kim Lân đã cho chúng ta thấy rõ hơn ánh sáng của tình người trong nạn đói. Bao giờ cũng thế, các nhà văn muốn nhân vật nổi bật cá tính của mình thường đặt nhân vật ấy vào tình thế căng thẳng. Ở đó dĩ nhiên phải có sự đấu tranh không ngừng không những giữa các nhân vật mà độc đáo hơn là ngay trong chính nội tâm của mỗi nhân vật ấy. Bà cụ Tứ là một điển hình. Việc Tràng lấy vợ đã gây một chấn động lớn trong tâm thức người mẹ nghèo vốn thương con ấy. Bà ngạc nhiên ngỡ ngàng trước sự xuất hiện của một người đàn bà trong nhà mình mà lâu nay và có lẽ chưa bao giờ bà nghĩ đến. Hết ngỡ ngàng, ngạc nhiên bà cụ đã “cúi đầu nín lặng”.

Cử chỉ, hành động ấy chất chứa bao tâm trạng. Đó là sự đan xen lẫn lộn giữa nỗi tủi cực, nỗi lo và niềm vui nỗi buồn cứ hoà lẫn vào nhau khiến bà thật căng thẳng. Sau khi thấu hiểu mọi điều bà nhìn cô con dâu đang “vân vê tà áo rách bọt bọt” mà lòng đầy xót thương. Bà thiết nghĩ “người ta có gặp bước khó khăn này, người ta mới lấy đến con mình, mà con mình mới có vợ”. Và thật xúc động, bà cụ đã nói, chỉ một câu thôi nhưng sâu xa và có ý nghĩa vô cùng “Thôi, chúng mày đã phải duyên phải kiếp với nhau thì u cũng mừng lòng”.